TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:168/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2017
V/v:"Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Công Chiếu.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phùng Trí C, sinh năm 1995.
Trú tại: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Huỳnh Kim P, sinh năm 1997.
Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lưu Xuân H, sinh năm 1964.
Trú tại: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt: anh C, chị P; vắng mặt: bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Trí C trình bày:***

Vào năm 2016, anh C với chị P tổ chức lễ cưới, sống chung và có đăng ký kết hôn. Đến tháng 3/2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân cho đến nay. Nay anh C yêu cầu ly hôn với chị P.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Có 1,6 lượng vàng (16 chỉ vàng) cưới, gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr, 02 chiếc lắc 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr), 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Sau khi cưới anh C và chị P cùng quản lý vàng. Trong thời gian sống chung, anh C và chị P có bán 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr giá 16.000.000 đồng để tiêu xài và chi phí cho chị P học may. Sau khi ly thân chị P, anh C bán tiếp 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr giá 32.500.000 đồng tiêu xài cá nhân; hiện nay anh C còn đang quản lý 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr.

Tại phiên tòa, anh C không đồng ý chia đôi 16 chỉ vàng theo yêu cầu của chị P; anh C chỉ đồng ý cho lại chị P 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh C không yêu cầu gì khác.

**** Theo đơn phản tố và tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Kim P trình bày:***

Vào năm 2016, chị P với anh C tổ chức lễ cưới, sống chung và có đăng ký kết hôn. Đến tháng 3/2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị P đồng ý ly hôn với anh C.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Có 1,6 lượng vàng (16 chỉ vàng) cưới, gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr, 02 chiếc lắc 01 lượng vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr), 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Sau khi cưới, chị , chị P, anh C gởi vàng cho bà Lưu Xuân H (mẹ ruột anh C) giữ giùm. Anh C bán 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr giá 16.000.000 đồng chị P không biết, chị P không có tiêu xài số tiền này. Sau khi ly thân anh C bán 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr giá 32.500.000 đồng không có báo cho chị P biết. Toàn bộ số vàng trên do anh C quản lý.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu chia đôi với anh C 16 chỉ vàng 24kr, gồm 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr, 02 chiếc lắc 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr), 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Chị P yêu cầu anh C trả lại cho chị P ½ giá trị 16 chỉ vàng 24kr theo giá vàng tại thời điểm xét xử, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị P không yêu cầu gì khác.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Xuân H có đơn xin vắng mặt, nhưng theo tờ tự khai ngày 20/4/2017, bà H trình bày:***

Khi bà H cưới vợ cho anh C có cho 1,6 lượng vàng (16 chỉ vàng), gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr, 02 chiếc lắc 01 lượng vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr), 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Sau khi cưới xong số tài sản trên do anh C và chị P quản lý, cất giữ; bà H không có liên quan đến việc cất giữ vàng, vì anh C và chị P có phòng riêng và tủ sắt riêng.

Ngoài ra bà H không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C với chị P.

+ Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chấp nhận chị P yêu cầu anh C chia đôi 16 chỉ vàng 24kr; buộc anh C trả lại cho chị P ½ giá trị vàng tại thời điểm xét xử.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Xuân H đã được tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên họp, hòa giải và xét xử hợp lệ. Tuy nhiên, bà H có lời khai thể hiện ý chí và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, anh C yêu cầu được ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử xét thấy: Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C và chị P đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa anh C với chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị P cũng đồng ý ly hôn với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C với chị P.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Xét chị P yêu cầu anh C trả lại chị P ½ giá trị 16 chỉ vàng 24kr theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẻ, anh C và chị P thống nhất thừa nhận anh chị có 16 chỉ vàng cưới gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kr; 02 chiếc lắc 01 10 chỉ vàng 24kr (mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr); 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Phía anh C cho rằng trong thời gian sống chung, anh C với chị P có bán 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr để tiêu xài trong gia đình và chi phí cho chị P học may, nhưng anh C không có chứng cứ gì chứng minh anh C cùng với chị P bán 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24kr; phía chị P không thừa nhận. Mặc khác sau khi anh C và chị P ly thân, anh C tự bán 01 chiếc lắc 05 lượng vàng 24kr và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr để tiêu xài cá nhân; như vậy anh C đã bán 15 chỉ vàng 24kr (gồm 02 chiếc lắc mỗi chiếc 05 chỉ vàng 24kr và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24kr); hiện nay anh C chỉ còn đang quản lý 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Xét thấy qua lời trình bày của anh C và chị P có cơ sở để xác định anh C quản lý 16 chỉ vàng 24kr, cho nên chị P yêu cầu anh C trả lại ½ giá trị 16 chỉ vàng 24kr là có cơ sở chấp nhận.

[6] Theo giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 24/5/2017, vàng 24kr có giá 3.450.500 đồng/chỉ; như vậy giá trị của 15 chỉ vàng 24kr là 51.757.500 đồng. Do anh C đã bán vàng, nên buộc anh C trả lại cho chị P ½ giá trị của 15 chỉ vàng 24kr là 25.878.750 đồng, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Đối với 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr hiện nay do anh C đang quản lý, nên giao cho anh C được quyền sở hữu 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr. Buộc anh C trả lại chị P ½ giá trị vàng là 1.725.250 đồng; trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[9] Xét thấy tại phiên tòa anh C, chị P không có tranh chấp với bà H. Đồng thời, bà H không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[10] Về án phí: Anh C, chị P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[11] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phùng Trí C với chị Huỳnh Kim P.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Huỳnh Kim P.

- Buộc anh C có nghĩa vụ trả lại cho chị P số tiền 25.878.750 đồng.

- Anh C được quyền sở hữu 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kr.

Buộc anh C có nghĩa vụ trả lại cho chị P ½ giá trị vàng là 1.725.250 đồng.

Trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

- Anh C phải nộp 1.680.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai số 38505 ngày 23/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên anh C còn phải nộp tiếp 1.380.000 đồng.

- Chị P phải nộp 1.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 700.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai số 38553 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị P còn phải nộp tiếp 680.000 đồng.

Anh C, chị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ TRUNG HIẾU

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.